

DANH SÁCH CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG, 2016 LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG VÀ CÁC KHÓA CŨ
THÁNG 3 NĂM 2019

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
1	Tăng Lập	Đức	13CĐ-TP2	16/10/1995	Nam	Kinh		2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002542	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9707				
2	Nguyễn Vĩnh	Hào	14CĐĐC01	29/9/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002543	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9708				
3	Phùng Văn	Hiền	14CĐĐC01	19/11/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002544	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9709				
4	Hà Minh	Trí	14CĐĐC02	23/10/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002545	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9710				
5	Nguyễn Thanh	Ân	14CĐĐT01	12/5/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002546	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9711				
6	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	14CĐNL01	19/01/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002547	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9712				
7	Dương Quốc	Thắng	14CĐCK01	11/11/1996	Nam	Kinh	Khánh Hoà	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002548	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9713				
8	Nguyễn Công	Hoàng	14CĐCK02	01/6/1996	Nam	Kinh		2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002549	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9714				
9	Phan Sỹ	Lâm	14CĐCK02	01/01/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002550	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9715				
10	Thới Huy	Biên	14CĐOT01	23/11/1993	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002551	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9716				
11	Bùi Vĩnh	Trực	14CĐOT02	03/12/1996	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002552	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9717				

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
12	Bành Xuân	Hoàng	14CĐOT03	01/6/1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002553	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9718				
13	Nguyễn Minh	Đạo	14CĐOT04	16/9/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002554	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9719				
14	Phạm Gia	Minh	14CĐOT04	14/01/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002555	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9720				
15	Võ Văn	Vinh	14CĐOT04	10/9/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002556	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9721				
16	Phan Thanh	An	15CĐ-ĐCN1	01/11/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002557	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9722				
17	Cao Văn	Đạt	15CĐ-ĐCN1	25/3/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002558	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9723				
18	Trần Đức	Diệu	15CĐ-ĐCN1	26/6/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002559	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9724				
19	Nguyễn Trịnh Đạo	Đức	15CĐ-ĐCN1	21/11/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002560	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9725				
20	Cao Sơn	Hải	15CĐ-ĐCN1	29/3/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002561	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9726				
21	Đào Duy	Hoài	15CĐ-ĐCN1	28/3/1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002562	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9727				
22	Nguyễn Ngọc Quang	Huy	15CĐ-ĐCN1	23/5/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002563	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9728				
23	Huỳnh Trung	Khang	15CĐ-ĐCN1	24/12/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002564	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9729				
24	Lê Tuấn	Khang	15CĐ-ĐCN1	01/11/1997	Nam	Kinh	Sóc Trăng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002565	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9730				
25	Nguyễn Đức	Khánh	15CĐ-ĐCN1	26/4/1997	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002566	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9731				
26	Nguyễn Hoàng	Long	15CĐ-ĐCN1	01/3/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002567	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9732				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
27	Phạm Duy Nam	15CD-ĐCN1	03/7/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002568	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9733				
28	Lục Văn Nhựt	15CD-ĐCN1	21/8/1995	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002569	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9734				
29	Tô Quốc Tài	15CD-ĐCN1	12/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002570	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9735				
30	Nguyễn Hàn Lâm Phương	15CD-ĐCN2	19/6/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002571	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9736				
31	Phạm Cao Chánh	15CD-ĐCN2	20/02/1995	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002572	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9737				
32	Bùi Văn Chung	15CD-ĐCN2	16/5/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002573	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9738				
33	Lê Phát Đạt	15CD-ĐCN2	09/01/1996	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002574	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9739				
34	Kim Ngọc Xi Đene	15CD-ĐCN2	09/02/1996	Nam	Kinh	Trà Vinh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002575	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9740				
35	Nguyễn Văn Giang	15CD-ĐCN2	11/3/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002576	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9741				
36	Lê Trọng Hiếu	15CD-ĐCN2	07/7/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002577	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9742				
37	Lâm Quang Hy	15CD-ĐCN2	17/7/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002578	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9743				
38	Mai Ngọc Long	15CD-ĐCN2	12/4/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002579	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9744				
39	Nguyễn Quốc Nguyên	15CD-ĐCN2	14/8/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002580	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9745				
40	Trần Văn Phúc	15CD-ĐCN2	10/02/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002581	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9746				
41	Phùng Văn Tâm	15CD-ĐCN2	01/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002582	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9747				

STT	Họ và tên		Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
42	Lương Công	Thái	15CD-ĐCN2	24/12/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002583	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9748				
43	Mai Văn	Thành	15CD-ĐCN2	08/12/1997	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002584	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9749				
44	Phạm Hữu	Trung	15CD-ĐCN2	18/12/1996	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002585	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9750				
45	Nguyễn Quốc	Việt	15CD-ĐCN2	10/7/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002586	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9751				
46	Nguyễn Quốc	Cường	15CD-ĐCN3	25/12/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002587	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9752				
47	Lê Minh	Hùng	15CD-ĐCN3	19/3/1997	Nam	Kinh	Vĩnh Long	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002588	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9753				
48	Nguyễn Đức	Huy	15CD-ĐCN3	10/12/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002589	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9754				
49	Nguyễn Đình	Khanh	15CD-ĐCN3	03/12/1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002590	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9755				
50	Trần Đức	Mãn	15CD-ĐCN3	04/11/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002591	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9756				
51	Nguyễn Ngọc	Nguyễn	15CD-ĐCN3	17/5/1995	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002592	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9757				
52	Phạm Phương Thanh	Phong	15CD-ĐCN3	10/8/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002593	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9758				
53	Nguyễn Minh	Quốc	15CD-ĐCN3	18/10/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002594	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9759				
54	Ngô Trọng	Quỳnh	15CD-ĐCN3	03/01/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002595	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9760				
55	Trần Hữu	Thời	15CD-ĐCN3	06/10/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002596	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9761				
56	Trần Anh	Trà	15CD-ĐCN3	20/10/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002597	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9762				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
57	Nguyễn Tấn Trung	15CĐ-ĐCN3	12/8/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002598	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9763				
58	Nguyễn Đăng Bình	15CĐ-ĐCN4	10/4/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002599	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9764				
59	Nguyễn Đình Công	15CĐ-ĐCN4	01/02/1996	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002600	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9765				
60	Nguyễn Thanh Duy	15CĐ-ĐCN4	10/10/1995	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002601	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9766				
61	Phạm Văn Hậu	15CĐ-ĐCN4	14/7/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002603	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9767				
62	Võ Việt Khang	15CĐ-ĐCN4	24/10/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002604	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9768				
63	Võ Tấn Khoa	15CĐ-ĐCN4	22/12/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002605	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9769				
64	Nguyễn Đức Tài	15CĐ-ĐCN4	06/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002606	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9770				
65	Lê Văn Đức	15CĐ-ĐTCN1	20/8/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002607	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9771				
66	Võ Hoàng Giang	15CĐ-ĐTCN1	04/9/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002608	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9772				
67	Võ Minh Hậu	15CĐ-ĐTCN1	27/6/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002609	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9773				
68	Lê Quốc Huy	15CĐ-ĐTCN1	14/4/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002610	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9774				
69	Nguyễn Quốc Phương	15CĐ-ĐTCN1	31/12/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002611	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9775				
70	Trần Thành Tâm	15CĐ-ĐTCN1	16/7/1995	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002612	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9776				
71	Lữ Ngọc Trọng	15CĐ-ĐTCN1	08/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002613	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9777				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
72	Nguyễn Thành Luân	15CĐ-TĐH1	26/9/1997	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002614	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9778				
73	Trương Hữu Nghĩa	15CĐ-TĐH1	07/7/1997	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Trung bình	CQ	B1002615	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9779				
74	Diệp Dương Phát	15CĐ-TĐH1	13/5/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	Khá	CQ	B1002616	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9780				
75	Nguyễn Tiến Dũng	15CĐ-ĐL1	10/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002617	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9781				
76	Vô Hoà Trí	15CĐ-ĐL2	04/10/1997	Nam	Kinh	Đồng Tháp	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002618	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9782				
77	Nguyễn Anh Vũ	15CĐ-ĐL2	14/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT	Trung bình	CQ	B1002619	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9783				
78	Trần Minh Đức	15CĐ-CĐ1	25/02/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002620	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9784				
79	Nguyễn Thành Trình	15CĐ-CĐ1	10/8/1995	Nam	Kinh	Ninh Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002621	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9785				
80	Nguyễn Đình Tứ	15CĐ-CĐ1	16/6/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002622	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9786				
81	Nguyễn Kim Vương	15CĐ-CĐT1	09/3/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002623	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9787				
82	Nguyễn Mạnh Cường	15CĐ-CTM1	23/01/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002624	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9788				
83	Lê Huỳnh Đức	15CĐ-CTM1	29/4/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002625	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9789				
84	Tạ Công Hoàng	15CĐ-CTM1	01/8/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002626	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9790				
85	Phạm Ánh Lâm	15CĐ-CTM1	29/01/1996	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002627	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9791				
86	Nguyễn Phước Lộc	15CĐ-CTM1	29/4/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002628	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9792				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
87	Trương Ngọc Ân	15CD-CTM2	28/7/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002629	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9793				
88	Nguyễn Tiến Đạt	15CD-CTM2	07/12/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002630	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9794				
89	Nguyễn Văn Đạt	15CD-CTM2	30/5/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002631	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9795				
90	Lê Nguyễn Hoàng Hải	15CD-CTM2	13/10/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002632	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9796				
91	Uông Xuân Hùng	15CD-CTM2	21/6/1997	Nam	Kinh	Đắk Nông	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002633	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9797				
92	Nguyễn Hồ Minh Huy	15CD-CTM2	01/6/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002634	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9798				
93	Nguyễn Hữu Lợi	15CD-CTM2	03/6/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002635	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9799				
94	Trịnh Hữu Mến	15CD-CTM2	20/8/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002636	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9800				
95	Dương Phong Phú	15CD-CTM2	24/7/1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002637	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9801				
96	Đào Ngọc Tú	15CD-CTM2	19/9/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002638	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9802				
97	Lê Minh Chát	15CD-CTM3	01/01/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002639	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9803				
98	Dương Quốc Cường	15CD-CTM3	12/02/1997	Nam	Kinh	Quảng Bình	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002640	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9804				
99	Văn Ngọc Khang	15CD-CTM3	23/01/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002641	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9805				
100	Trần Quốc Kiệt	15CD-CTM3	13/12/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002642	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9806				
101	Nguyễn Thành Nhân	15CD-CTM3	25/02/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002643	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9807				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
102	Nguyễn Vũ Quốc	15CD-CTM3	29/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002644	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9808				
103	Nguyễn Trần Tuấn Tú	15CD-CTM3	23/7/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002645	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9809				
104	Phạm Văn Chi	15CD-CTM4	08/8/1996	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002646	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9810				
105	Phan Đình Đức	15CD-CTM4	19/3/1996	Nam	Kinh	Bình Thuận	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002647	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9811				
106	Lưu Thiên Hoàng	15CD-CTM4	22/3/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002648	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9812				
107	Trương Minh Khương	15CD-CTM4	29/12/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002649	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9813				
108	Hà Đức Thịnh	15CD-CTM4	10/01/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002650	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9814				
109	Phan Văn Vũ	15CD-CTM4	07/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002651	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9815				
110	Nguyễn Đình Chính	15CD-CTM5	18/7/1997	Nam	Kinh	Quảng Trị	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002652	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9816				
111	Lê Ngọc Hào	15CD-CTM5	08/02/1995	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002653	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9817				
112	Lê Tuấn Kiệt	15CD-CTM5	20/7/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002654	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9818				
113	Ngô Thành Quang	15CD-CTM5	17/12/1997	Nam	Kinh	Tiền Giang	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002655	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9819				
114	Võ Minh Thiện	15CD-CTM5	15/7/1997	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	Trung bình	CQ	B1002656	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9820				
115	Trần Đức Duy	15CD-Ô1	01/01/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002657	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9821				
116	Dư Tuấn Phong	15CD-Ô1	11/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002658	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9822				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
117	Lê Xuân Ngọc	15CĐ-Ô2	20/10/1997	Nam	Kinh	Đồng Nai	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002659	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9823				
118	Nguyễn Thế Bảo	15CĐ-Ô3	30/7/1996	Nam	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002660	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9824				
119	Đình Thanh Duy	15CĐ-Ô3	02/8/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002661	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9825				
120	Trịnh Thanh Phong	15CĐ-Ô3	20/9/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002662	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9826				
121	Nguyễn Hoàng Tường	15CĐ-Ô3	09/01/1996	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002663	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9827				
122	Lê Quỳnh Anh	15CĐ-Ô3	21/02/1993	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002664	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9828				
123	Bùi Võ Vỹ	15CĐ-Ô3	24/8/1997	Nam	Kinh	Lâm Đồng	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002666	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9829				
124	Huỳnh Minh Hiếu	15CĐ-Ô4	03/10/1997	Nam	Kinh	Bà Rịa-Vũng Tàu	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002667	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9830				
125	Võ Văn Oay	15CĐ-Ô4	10/12/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002668	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9831				
126	Trần Thị Thịnh	15CĐ-Ô4	16/6/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002669	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9832				
127	Nguyễn Minh Toàn	15CĐ-Ô4	24/10/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002670	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9833				
128	Nguyễn Văn Thắng	15CĐ-Ô5	06/7/1997	Nam	Kinh	Phú Yên	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002671	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9834				
129	Nguyễn Minh Nhựt	15CĐ-Ô6	17/10/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002672	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9835				
130	Trần Hoàng Sơn	15CĐ-Ô6	25/11/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002673	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9836				
131	Trần Thị Trà Mi	15CĐ-MTT2	1996	Nữ	Kinh	Long An	2019	CÔNG NGHỆ MAY	Trung bình	CQ	B1002674	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9837				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
132	Võ Xuân Anh	15CĐ-TM1	09/9/1997	Nam	Kinh	Bình Dương	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002675	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9838				
133	Nguyễn Trùng Dương	15CĐ-TM1	20/01/1997	Nam	Kinh	Cần Thơ	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002676	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9839				
134	Nguyễn Văn Hải	15CĐ-TM1	24/10/1997	Nam	Kinh		2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002677	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9840				
135	Nguyễn Trí Khang	15CĐ-TM1	24/4/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002678	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9841				
136	Trần Văn Trí	15CĐ-TM1	06/7/1997	Nam	Kinh	Bình Định	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002679	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9842				
137	Nguyễn Văn Trung	15CĐ-TM1	29/12/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002680	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9843				
138	Lê Đức Anh Tuấn	15CĐ-TM1	18/01/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002681	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9844				
139	Lê Thanh Tuấn	15CĐ-TM1	23/02/1995	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002682	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9845				
140	Phạm Quốc Tuấn	15CĐ-TM1	12/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002683	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9846				
141	Nguyễn Chí Tín	15CĐ-TM2	17/01/1997	Nam	Kinh	Bình Dương	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002684	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9847				
142	Phạm Quốc Bình	15CĐ-TP1	15/7/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002685	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9848				
143	Bùi Lê Anh Dũng	15CĐ-TP2	31/3/1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002686	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9849				
144	Phan Tấn Tài	15CĐ-TP2	02/01/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002687	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9850				
145	Trần Quốc Thắng	15CĐ-TP2	03/4/1997	Nam	Kinh	Gia Lai	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002688	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9851				
146	Nguyễn Đức Thọ	15CĐ-TP2	18/01/1997	Nam	Kinh	Quảng Nam	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002689	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9852				

STT	Họ và tên	Lớp học	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN	Ngành đào tạo	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo	Số ký hiệu bằng	Số quyết định	SỐ VÀO SỐ	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận (Ghi rõ họ và tên)	Lấn tay
147	Trần Thiên Thương Tín	15CĐ-TP2	27/6/1997	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002690	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9853				
148	Đỗ Nguyễn Hữu Trí	15CĐ-TP2	20/9/1997	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002691	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9854				
149	Bùi Ngọc Quốc Vũ	15CĐ-TP2	23/01/1997	Nam	Kinh	Tây Ninh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002692	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9855				
150	Trương Hồng Hải	15CĐ-TW	26/01/1994	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Trung bình	CQ	B1002693	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9856				
151	Bùi Văn Sang	15CĐ-TW	31/10/1996	Nam	Kinh	Tp. Hồ Chí Minh	2019	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	Khá	CQ	B1002694	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9857				
152	Đặng Thành Nguyên	16CĐ-LTÔTÔ	29/10/1996	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Khá	CQ	B1002695	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9858				
153	Phạm Đình Vinh	16CĐ-LTÔTÔ	11/4/1996	Nam	Kinh		2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002696	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9859				
154	Trần Trọng Khánh Vinh	16CĐ-LTÔTÔ	22/9/1998	Nam	Kinh	Bến Tre	2019	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	Trung bình	CQ	B1002697	278/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2019	9860				

Tổng cộng danh sách có 154 sinh viên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc